

Số: **26** /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 06 tháng 01 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Kế hoạch phòng chống bệnh lở mồm long móng gia súc
trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2017-2020**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Thú y ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y;

Căn cứ Nghị Quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 về chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo;

Căn cứ Thông tư số 52/2014/TT-BNNPTNT ngày 29/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện một số nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất quy định tại Quyết định số 2621/QĐ-TTg ngày 31/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số mức hỗ trợ phát triển sản xuất quy định tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 476/QĐ-BNN-TY ngày 17/02/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt “Chương trình Quốc gia phòng, chống bệnh Lở mồm long móng giai đoạn 2016-2020”;

Căn cứ Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn;

Thực hiện các Công văn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: số 1395/BNN-TY ngày 25/02/2016 về việc bố trí kinh phí và tổ chức triển khai Chương trình Quốc gia phòng chống dịch lở mồm long móng giai đoạn 2016-2020 và số 3655/BNN-TY ngày 10/5/2016 về việc xây dựng Kế hoạch chủ động phòng chống dịch gia súc gia cầm bằng nguồn ngân sách địa phương;

Căn cứ Quyết định số 353/QĐ-UBND ngày 09/3/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành Quy định chế độ tài chính về phòng, chống dịch bệnh cây trồng, vật nuôi, thủy sản trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 1989/QĐ-UBND ngày 12/12/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc sửa đổi, bổ sung Quy định chế độ tài chính về phòng, chống dịch bệnh cây trồng, vật nuôi, thủy sản trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tại Tờ trình số 3332/TTr-SNNPTNT ngày 23/12/2016 về việc xin phê duyệt Kế hoạch phòng chống bệnh lở mồm long móng gia súc trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2017-2020 và ý kiến của Sở Tài chính tại Công văn số 3194/STC-HCSN ngày 14/12/2016 về việc Kế hoạch phòng chống bệnh lở mồm long móng gia súc trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2017-2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch phòng chống bệnh lở mồm long móng gia súc trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2017-2020, với các nội dung sau:

1. Tên kế hoạch: Kế hoạch phòng chống bệnh lở mồm long móng (LMLM) gia súc trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2017-2020.

2. Đơn vị thực hiện

Chi cục Chăn nuôi và Thú y; UBND 13 huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh (không có huyện Lý Sơn).

3. Nội dung công việc thực hiện

a) Tổ chức tiêm phòng vắc xin LMLM cho đàn trâu bò:

- Địa bàn tiêm phòng: 13 huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh gồm 6 huyện miền núi thuộc Chương trình 30a và 7 huyện vùng đê ở đồng bằng (trừ Lý Sơn):

+ Các huyện miền núi Chương trình 30a: Tổ chức tiêm phòng cho đàn trâu bò của tất cả các xã, thị trấn thuộc địa bàn.

+ 7 huyện vùng đê ở đồng bằng: Tổ chức tiêm phòng cho đàn trâu bò thuộc các xã có nguy cơ cao, xã giáp ranh với tỉnh Quảng Nam và tỉnh Bình Định, các xã ven quốc lộ và tỉnh lộ, xã có ổ dịch LMLM cũ.

- Đối tượng tiêm phòng vắc xin: Tiêm cho trâu, bò từ 4 tuần tuổi trở lên thuộc diện tiêm.

- Số lượng trâu, bò tiêm phòng hằng năm: 360.500 con.

+ Các huyện vùng đê ở đồng bằng: Tiêm phòng cho 50% số trâu, bò trong diện tiêm, số lượng tiêm phòng hằng năm: 204.000 con.

+ Các huyện miền núi Chương trình 30a: Tiêm phòng cho 100% số trâu, bò trong diện tiêm, số lượng tiêm phòng hằng năm: 156.500 con.

b) Nhu cầu vắc xin LMLM tiêm phòng cho đàn trâu bò:

- Loại vắc xin tiêm phòng: Vắc xin LMLM nhị type O, A.

- Quy trình tiêm phòng: 2 lần/năm.

- Thời gian tiêm phòng: Từ năm 2017 đến năm 2020.

- Nhu cầu vắc xin LMLM:

+ 01 năm: 360.500 liều.
+ 04 năm: 1.442.000 liều.

Trong đó:

+ Vắc xin Chương trình 30a:

. 01 năm: 156.500 liều;
. 04 năm: 626.000 liều.

+ Nhu cầu vắc xin tính mua:

. 01 năm 204.000 liều;
. 04 năm 816.000 liều.

4. Nội dung chi

- Mua vắc xin LMLM tiêm phòng cho đàn trâu bò 7 huyện vùng đệm gồm: Bình Sơn, Sơn Tịnh, thành phố Quảng Ngãi, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành, Mộ Đức, Đức Phổ.

- Bồi dưỡng cho lực lượng trực tiếp tham gia tiêm phòng vắc xin LMLM trên địa bàn tỉnh.

5. Định mức chi

Định mức chi phục vụ công tác phòng, chống dịch thực hiện theo Quyết định số 353/QĐ-UBND ngày 09/3/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành Quy định chế độ tài chính về phòng, chống dịch bệnh cây trồng, vật nuôi, thủy sản trên địa bàn tỉnh và Quyết định số 1989/QĐ-UBND ngày 12/12/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Quy định chế độ tài chính về phòng, chống dịch bệnh cây trồng, vật nuôi, thủy sản trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và các văn bản liên quan theo quy định hiện hành của nhà nước.

6. Phân cấp chi ngân sách

a) Ngân sách Chương trình 30a:

Trung ương hỗ trợ vắc xin tiêm phòng bằng hiện vật cho 6 huyện miền núi thuộc Chương trình 30a là 626.000 liều (156.500 liều/năm).

b) Ngân sách tỉnh:

- Mua vắc xin tiêm phòng tại 7 huyện vùng đệm ở đồng bằng là 816.000 liều (204.000 liều/năm).

- Hỗ trợ cho chủ vật nuôi có gia súc bị chết do dịch bệnh và phản ứng vắc xin khi tiêm phòng theo quy định tại Quyết định số 353/QĐ-UBND ngày 09/3/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành Quy định chế độ tài chính về phòng, chống dịch bệnh cây trồng, vật nuôi, thủy sản trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và Quyết định số 1989/QĐ-UBND ngày 12/12/2011

của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc sửa đổi, bổ sung Quy định chế độ tài chính về phòng, chống dịch bệnh cây trồng, vật nuôi, thủy sản trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; chi phí tiêu hủy và tiền công tiêm phòng bao vây ổ dịch, tiêu độc khử trùng môi trường khi chống dịch (huyện dùng ngân sách dự phòng để chi và cuối năm tổng hợp gửi Sở Tài chính thẩm tra và trình UBND tỉnh cấp bù ngân sách cho huyện, thành phố).

c) Ngân sách huyện, thành phố:

Hỗ trợ công tiêm phòng cho người trực tiếp tiêm phòng.

7. Kinh phí thực hiện

a) Tổng kinh phí: 27.004.400.000 đồng.

Trong đó:

+ Ngân sách tỉnh: 21.236.400.000 đồng.

+ Ngân sách huyện: 5.768.000.000 đồng.

b) Phân kỳ theo năm:

Đơn vị tính: 1000 đồng

TT	Nội dung	Tổng kinh phí	Phân kỳ theo năm thực hiện			
			Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1	Ngân sách tỉnh	21.236.400	4.926.600	5.173.440	5.432.520	5.703.840
2	Ngân sách huyện	5.768.000	1.442.000	1.442.000	1.442.000	1.442.000
	Cộng	27.004.400	6.368.600	6.615.440	6.874.520	7.145.840

c) Phân kỳ theo năm các địa phương, đơn vị:

Đơn vị tính: 1000 đồng

TT	Đơn vị	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Tổng cộng
I	Ngân sách tỉnh	4.926.600	5.173.440	5.432.520	5.703.840	21.236.400
	Chi cục CN và Thú y	4.926.600	5.173.440	5.432.520	5.703.840	21.236.400
II	Ngân sách huyện, TP	1.442.000	1.442.000	1.442.000	1.442.000	5.768.000
1	Bình Sơn	190.000	190.000	190.000	190.000	760.000
2	Sơn Tịnh	133.200	133.200	133.200	133.200	532.800
3	TP. Quảng Ngãi	100.000	100.000	100.000	100.000	400.000
4	Tư Nghĩa	93.600	93.600	93.600	93.600	374.400
5	Nghĩa Hành	86.000	86.000	86.000	86.000	344.000
6	Mộ Đức	106.800	106.800	106.800	106.800	427.200
7	Đức Phổ	106.400	106.400	106.400	106.400	425.600
8	Ba Tơ	200.000	200.000	200.000	200.000	800.000
9	Trà Bồng	65.200	65.200	65.200	65.200	260.800
10	Sơn Hà	228.000	228.000	228.000	228.000	912.000
11	Sơn Tây	64.000	64.000	64.000	64.000	256.000
12	Minh Long	41.800	41.800	41.800	41.800	167.200
13	Tây Trà	27.000	27.000	27.000	27.000	108.000
	Tổng cộng	6.368.600	6.615.440	6.874.520	7.145.840	27.004.400

(Chi tiết kinh phí kèm theo phụ lục 1, 2)

Điều 2. Quyết định này là cơ sở để xây dựng Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh LMLM gia súc trên địa bàn tỉnh hàng năm.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, Chi cục trưởng Chi cục Chăn nuôi và Thú y và Thủ trưởng các Sở, ban, ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Cục Thú y;
- Cơ quan Thú y vùng IV Đà Nẵng;
- CT, PCT Thường trực UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP(NL), TH, CB-TH;
- Lưu: VT, NN-TNndt5.



Trần Ngọc Căng

Phụ lục 1:

BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN KINH PHÍ PHÒNG CHỐNG DỊCH LMLM GIA SÚC NĂM 2017-2020

(Kèm theo Quyết định số 06/2017/QĐ-UBND ngày 06/01/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: 1000 đồng

TT	Đơn vị	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Tổng cộng
I	Ngân sách tỉnh (mua vắc xin LMLM)	4.926.600	5.173.440	5.432.520	5.703.840	21.236.400
	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	4.926.600	5.173.440	5.432.520	5.703.840	21.236.400
II	Ngân sách huyện, thành phố (công tiêm phòng)	1.442.000	1.442.000	1.442.000	1.442.000	5.768.000
1	Bình Sơn	190.000	190.000	190.000	190.000	760.000
2	Sơn Tịnh	133.200	133.200	133.200	133.200	532.800
3	TP. Quảng Ngãi	100.000	100.000	100.000	100.000	400.000
4	Tur Nghĩa	93.600	93.600	93.600	93.600	374.400
5	Nghĩa Hành	86.000	86.000	86.000	86.000	344.000
6	Mộ Đức	106.800	106.800	106.800	106.800	427.200
7	Đức Phổ	106.400	106.400	106.400	106.400	425.600
8	Ba Tơ	200.000	200.000	200.000	200.000	800.000
9	Trà Bồng	65.200	65.200	65.200	65.200	260.800
10	Sơn Hà	228.000	228.000	228.000	228.000	912.000
11	Sơn Tây	64.000	64.000	64.000	64.000	256.000
12	Minh Long	41.800	41.800	41.800	41.800	167.200
13	Tây Trà	27.000	27.000	27.000	27.000	108.000
Tổng cộng		6.368.600	6.615.440	6.874.520	7.145.840	27.004.400

Phụ lục 2:

DỰ TOÁN CHI TIẾT KINH PHÍ NGÂN SÁCH TIÊM PHÒNG PHÒNG BỆNH LMLM GIA SỨC CÁC ĐỊA
PHƯƠNG TRONG KỶ HẠNG NĂM TỪ NĂM 2017-2020

(Kèm theo Quyết định số: 161/QĐ-UBND ngày 06/01/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)



1. NĂM 2017

TT	Đơn vị	ĐVT	Số lượng	Đơn giá* (đồng)	Thành tiền (1000 đồng)	
					Một đợt	Cả năm (2 đợt)
I	Ngân sách huyện, thành phố (công tiêm phòng)				721.000	1.442.000
1	Bình Sơn	con	23.750	4.000	95.000	190.000
2	Sơn Tịnh	con	16.650	4.000	66.600	133.200
3	TP. Quảng Ngãi	con	12.500	4.000	50.000	100.000
4	Tư Nghĩa	con	11.700	4.000	46.800	93.600
5	Nghĩa Hành	con	10.750	4.000	43.000	86.000
6	Mộ Đức	con	13.350	4.000	53.400	106.800
7	Đức Phổ	con	13.300	4.000	53.200	106.400
8	Ba Tơ	con	25.000	4.000	100.000	200.000
9	Trà Bồng	con	8.150	4.000	32.600	65.200
10	Sơn Hà	con	28.500	4.000	114.000	228.000
11	Sơn Tây	con	8.000	4.000	32.000	64.000
12	Minh Long	con	5.225	4.000	20.900	41.800
13	Tây Trà	con	3.375	4.000	13.500	27.000
II	Ngân sách tỉnh (mua vắc xin LMLM)				2.463.300	4.926.600
	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Liều	102.000	24.150	2.463.300	4.926.600
Tổng cộng					3.184.300	6.368.600

2. NĂM 2018

TT	Đơn vị	ĐVT	Số lượng	Đơn giá* (đồng)	Thành tiền (1000 đồng)	
					Một đợt	Cả năm (2 đợt)
I	Ngân sách huyện, thành phố (công tiêm phòng)				721.000	1.442.000
1	Bình Sơn	con	23.750	4.000	95.000	190.000
2	Sơn Tịnh	con	16.650	4.000	66.600	133.200
3	TP. Quảng Ngãi	con	12.500	4.000	50.000	100.000
4	Tư Nghĩa	con	11.700	4.000	46.800	93.600
5	Nghĩa Hành	con	10.750	4.000	43.000	86.000
6	Mộ Đức	con	13.350	4.000	53.400	106.800
7	Đức Phổ	con	13.300	4.000	53.200	106.400
8	Ba Tơ	con	25.000	4.000	100.000	200.000
9	Trà Bồng	con	8.150	4.000	32.600	65.200
10	Sơn Hà	con	28.500	4.000	114.000	228.000
11	Sơn Tây	con	8.000	4.000	32.000	64.000
12	Minh Long	con	5.225	4.000	20.900	41.800
13	Tây Trà	con	3.375	4.000	13.500	27.000
II	Ngân sách tỉnh (mua vắc xin LMLM)				2.586.720	5.173.440
	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Liều	102.000	25.360	2.586.720	5.173.440
Tổng cộng					3.307.720	6.615.440

3. NĂM 2019

TT	Đơn vị	ĐVT	Số lượng	Đơn giá* (đồng)	Thành tiền (1000 đồng)	
					Một đợt	Cả năm (2 đợt)
I	Ngân sách huyện, thành phố (công tiêm phòng)		180.250		721.000	1.442.000
1	Bình Sơn	con	23.750	4.000	95.000	190.000
2	Sơn Tịnh	con	16.650	4.000	66.600	133.200
3	TP. Quảng Ngãi	con	12.500	4.000	50.000	100.000
4	Tư Nghĩa	con	11.700	4.000	46.800	93.600
5	Nghĩa Hành	con	10.750	4.000	43.000	86.000
6	Mộ Đức	con	13.350	4.000	53.400	106.800
7	Đức Phổ	con	13.300	4.000	53.200	106.400
8	Ba Tơ	con	25.000	4.000	100.000	200.000
9	Trà Bồng	con	8.150	4.000	32.600	65.200
10	Sơn Hà	con	28.500	4.000	114.000	228.000
11	Sơn Tây	con	8.000	4.000	32.000	64.000
12	Minh Long	con	5.225	4.000	20.900	41.800
13	Tây Trà	con	3.375	4.000	13.500	27.000
II	Ngân sách tỉnh (mua vắc xin LMLM)				2.716.260	5.432.520
	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Liều	102.000	26.630	2.716.260	5.432.520
Tổng cộng					3.437.260	6.874.520

4. NĂM 2020

TT	Đơn vị	ĐVT	Số lượng	Đơn giá* (đồng)	Thành tiền (1000 đồng)	
					Một đợt	Cả năm (2 đợt)
I	Ngân sách huyện, thành phố (công tiêm phòng)				721.000	1.442.000
1	Bình Sơn	con	23.750	4.000	95.000	190.000
2	Sơn Tịnh	con	16.650	4.000	66.600	133.200
3	TP. Quảng Ngãi	con	12.500	4.000	50.000	100.000
4	Tư Nghĩa	con	11.700	4.000	46.800	93.600
5	Nghĩa Hành	con	10.750	4.000	43.000	86.000
6	Mộ Đức	con	13.350	4.000	53.400	106.800
7	Đức Phổ	con	13.300	4.000	53.200	106.400
8	Ba Tơ	con	25.000	4.000	100.000	200.000
9	Trà Bồng	con	8.150	4.000	32.600	65.200
10	Sơn Hà	con	28.500	4.000	114.000	228.000
11	Sơn Tây	con	8.000	4.000	32.000	64.000
12	Minh Long	con	5.225	4.000	20.900	41.800
13	Tây Trà	con	3.375	4.000	13.500	27.000
II	Ngân sách tỉnh (mua vắc xin LMLM)				2.851.920	5.703.840
	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Liều	102.000	27.960	2.851.920	5.703.840
Tổng cộng					3.572.920	7.145.840

* Ghi chú: Đơn giá vắc xin dự kiến tăng bình quân 5% mỗi năm